TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 11 - 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.

2. Bà Lê Thị Mỹ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng là Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1979.

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1979.

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2010, ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Kim Q do may mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân do ông bà cùng tự nguyên. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 bắt đầu

phát sinh nhiều mẫu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên ông bà đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Ch yêu cầu xin ly hôn với bà Q.

Về con chung: Ông Ch và bà Q có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng L (giới tính: Nữ), sinh ngày: 12/12/1999 và Nguyễn Phi L1 (giới tính: Nam), sinh ngày 31/7/2002. Các con đã trưởng thành nên ông Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Ch khai có, nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Ch khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Ch giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim Q trình bày:

Bà Q thống nhất với lời trình bày của ông Ch về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà và ông Ch là trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà đồng ý ly hôn với ông Ch.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Q và ông Ch tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Q vẫn giữ nguyên lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Q. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn". Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim Q có nơi cư trú tại huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ch và bà Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông bà không được xem là hợp pháp. Trong thời gian sống chung ông bà có con chung, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ch và bà Q đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân của ông bà không thể tiếp tục được nữa, ông bà thống nhất yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn. Từ đó cho thấy quan hệ tình cảm giữa ông Ch và bà Q thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, ông bà không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà ông Ch yêu cầu xin ly hôn với bà Q là phù hợp. Tuy nhiên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 thì ông Ch và bà Q không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận ông Ch và bà Q là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Các con chung của ông Ch và bà Q đã trưởng thành, ông Ch và bà Q ai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Ông Ch và bà Q khai có nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Ông Ch và bà Q khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Ch phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), đã nộp xong.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Kim Q không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Ch và bà Q có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng L (giới tính: Nữ), sinh ngày: 12/12/1999 và Nguyễn Phi L1 (giới tính: Nam), sinh ngày 31/7/2002. Các con đã trưởng thành, ông Ch và bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Ch và bà Q khai có nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Ch và bà Q khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông Ch đã nộp theo lai thu số 0006492 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã L;
- Các dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Ngọc Thới Phần